UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã số học phần: 170047

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: *Văn hóa giao tiếp*

Tên Tiếng Anh: *Culture in communication*

Đơn vị phụ trách: Sư phạm Ngữ văn & Ngôn ngữ Khmer

Khoa: Ngôn ngữ - Văn hóa – Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết; 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 10 buổi (4 tiết/buổi) + 01 buổi (5 tiết/buổi).

Học kỳ: IV (học kỳ II năm thứ 2)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: ThS.Thạch Thị Rọ Mu Ni *(SĐT: 0964619849; Email:* thachromuni@tvu.edu.vn)
- GV cùng giảng dạy: Sơn Ngọc Khánh: (*SĐT: 0936004303; Email:* ngockhanh@tvu.edu.vn

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: *không*

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☑		Chuyên nghiệp ☐					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐		Tốt nghiệp ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 01
- Ngày hiệu chỉnh: 16/7/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theoQui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lí giao tiếp; khái niệm, vai trò của khoa học giao tiếp và đặc trưng của văn hóa giao tiếp thể hiện trong nghệ thuật giao tiếp bằng ngôn từ, về thái độ, quan hệ và cách thức giao tiếp,… Giúp cho sinh viên có thể vận dụng trong đời sống và khi nghiên cứu về văn hóa giao tiếp Việt Nam.

IV. Kết quả học tập mong đợi:

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*
- *Bỏ trống nếu không có đồng ý*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		CELO 1	CELO 2	CELO 3	CELO 4	CELO 5	CELO 6	CELO 7	CELO 8	CELO 9	CELO 10	CELO 11	CELO 12
170047	VHGT	M	L			M		M			M	M	

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được những kiến thức tổng quan về hoạt động giao tiếp, các đặc trưng văn hóa giao tiếp Việt Nam	1, 2, 5, 7
CELO2	Phân tích sự ảnh hưởng của văn hóa truyền thống Việt Nam lên hoạt động giao tiếp	1, 2, 5, 7
CELO3	Vận dụng các kĩ năng, nguyên tắc giao tiếp vào các hoàn cảnh giao tiếp một cách phù hợp	1, 2, 5, 7
Kĩ năng		
CELO4	Giao tiếp hiệu quả trong các hoàn cảnh khác nhau.	1, 2, 5, 7, 10

Thái độ		
CELO5	Luôn trau dồi kĩ năng giao tiếp.	11
CELO6	Thể hiện giao tiếp văn minh trong mọi hoàn cảnh.	11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

- Diễn giảng kết hợp phát vấn, trình chiếu Powerpoint;
- Thảo luận nhóm: thảo luận về các tình huống giao tiếp;
- Tạo khóa học, xây dựng học liệu và tương tác với sinh viên trên khóa học Elearning;

5.2. Phương pháp học tập

- Tham gia tương tác, thực hiện các hoạt động theo yêu cầu của giảng viên giảng dạy;
- Có kĩ năng tin học cơ bản để thực hiện các bài thuyết trình, tương tác, hoàn thành các bài tập trên khóa học E-learng;
- Tự học, tự nghiên cứu;
- Làm việc độc lập, làm việc nhóm.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự ít nhất 80% giờ của học phần;
- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu để tương tác và tham gia đạt hiệu quả các hoạt động trên lớp;
- Tham gia đóng góp tích cực cùng nhóm hoàn thành các bài thuyết trình, bài tập trên khóa học Elearning;
- Tham gia trao đổi ý kiến về các chủ đề trên diễn đàn của khóa học Elearning.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá quá trình (chiếm 50%) gồm:

+ Đánh giá tham dự lớp (chiếm 10%)

+ Bài tập tình huống (chiếm 20%).

+ 01 bài kiểm tra viết (chiếm 20%).

- Đánh giá học phần: thi tự luận (chiếm 50%)

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cho người học có kiến thức về đặc trưng văn hóa giao tiếp của Việt nam; các yếu tố khách quan, chủ quan tác động đến hoạt động gia tiếp; kĩ năng, nguyên tắc giao tiếp.

- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng thuyết trình; khái quát, nhìn nhận, đánh giá vấn đề; đọc hiểu tài liệu quan quan đến học phần.

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Chương 1. Cơ sở lý luận về hoạt động giao tiếp	1,2,3	Diễn giảng, thảo luận nhóm	Phân tích các yếu tố tâm lí ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp; sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp
Chương 2. Văn hóa giao tiếp Việt Nam	1,2,3,4,5	Diễn giảng, thảo luận nhóm	-Phân tích ảnh hưởng của văn hóa truyền thống đối với văn hóa giao tiếp -Mô tả đặc trưng văn hóa giao tiếp của Việt Nam
Chương 3. Kĩ năng giao tiếp	1,2,3,4,5,6	Thảo luận nhóm, Kiểm tra quá trình	Vận dụng các đặc trưng của văn hóa giao tiếp Việt Nam, kĩ năng, nguyên tắc vào giao tiếp trong các hoàn cảnh khác nhau một cách phù hợp, hiểu quả

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu* X *vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (10%)	Bài tập tình huống (20%)	Kiểm tra quá trình (20%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X		X	X
CELO2	X		X	X
CELO3	X	X	X	X
CELO4	X	X	X	X
CELO5	X			

CELO6	X	X	X	X

IX. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết (4 tuần)

Buổi	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của HP (CELO)
1, 2	**Chương 1. Cơ sở lý luận về hoạt động giao tiếp** 1. Khái lược về giao tiếp và hoạt động giao tiếp 2. Những yếu tố tâm lý giao tiếp 3. Sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp	1,2,3
3, 4, 5	**Chương 2. Văn hóa giao tiếp Việt Nam** 2.1. Khái niệm, vai trò của văn hóa giao tiếp 2.2. Văn hóa truyền thống Việt Nam và ảnh hưởng của văn hóa truyền thống đối với văn hóa giao tiếp 2.3. Đặc trưng văn hóa giao tiếp Việt Nam	1,2,3,4,5
6, 7, 8, 9, 10, 11	**Chương 3. Kĩ năng giao tiếp** 3.1. Khái niệm 3.2. Kỹ năng giao tiếp với mỗi hoàn cảnh và đối tượng khác nhau. 3.3. Câu hỏi và bài tập tình huống giao tiếp	1,2,3,4,5,6

X. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Đỗ Ngọc Anh, Đậu Thị Ánh Tuyết (2014), *Giáo trình văn hóa giao tiếp*, NXB Thông tin và Truyền thông.

2. Nguyễn Sinh Huy, Trần Trọng Thủy (2006), *Nhập môn Khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục.

3. Hữu Đạt (2000), *Văn hóa và ngôn ngữ giao tiếp của người Việt*, NXB Văn hóa Thông tin.

4. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam. Cái nhìn hệ thống - loại hình*, in lần thứ 3, sửa chữa và bổ sung, NXB TP. Hồ Chí Minh.

5. Đinh Viễn Trí, Đông Phương Tri và Ngọc Anh dịch (2003), *Văn hóa giao tiếp ứng xử*, NXB Văn hóa Thông tin.

Tài liệu tiếng nước ngoài

1. Steven Dsouza. (2009). *Thật đơn giản tạo dựng mối quan hệ*. NXB Lao động –

Xã hội.

2. Lani Arredondo (TS. Dương Ngọc Dũng dịch). (2008). *Kỹ năng giao tiếp tối ưu*. NXB Tổng hợp, TpHCM.

3. Larry King (Cẩm Thúy & Trung Nghĩa dịch). (2003). *Những bí quyết giao tiếp tốt*. NXB Trẻ, TpHCM.

4. Robert Heller (Trần Thị Thu Hà & Nguyễn Thị Thiên Hương). (2008). *Nghệ thuật thiết lập quan hệ*. NXB Văn hóa Thông tin.

5. Allan & Barbara Pease. (2009).*Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể*. NXB Tổng hợp, TpHCM.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0,…

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN	GV BIÊN SOẠN
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*
		Thạch Thị Rọ Mu Ni

KHOA NGÔN NGỮ-VĂN HÓA-NGHỆ THUẬT KHMER NAM BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

LỚP:……..

MÃ LỚP:……..

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá): .....
2. Chức danh, học vị: .....
3. Đơn vị công tác: .....
4. Họ và tên sinh viên thực hiện: .....
5. Môn học: .....
6. Địa điểm thực hiện:.....
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: đánh giá CHUYÊN CẦN (tham dự lớp)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Kém 0%**
Thái độ tham dự	10	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	10	mỗi buổi học là 1% và không được vắng trên 2 buổi			

Rubric 2: đánh giá BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Kém 0%**
Giao tiếp đúng tình huống	40	Xây dựng cuộc thoại đúng chủ đề tình huống, cấu trúc hoàn chỉnh, có chiến lược giao tiếp tốt	Xây dựng cuộc thoại đúng chủ đề tình huống, cấu trúc hoàn chỉnh, có chiến lược giao tiếp khá	Xây dựng cuộc thoại đúng chủ đề tình huống, cấu trúc thiếu hoàn chỉnh, chiến lược giao tiếp tương đối	Xây dựng cuộc thoại đúng chủ đề tình huống, cấu trúc thiếu hoàn chỉnh, không có chiến lược giao tiếp

				phù hợp	
Vận dụng kĩ năng, nguyên tắc giao tiếp phù với hoàn cảnh	40	Thể hiện kĩ năng giao tiếp tốt, đảm bảo nguyên tắc giao tiếp	Thể hiện kĩ năng giao tiếp khá, đảm bảo nguyên tắc giao tiếp	Thể hiện kĩ năng giao tiếp trung bình , đảm bảo nguyên tắc giao tiếp	Kĩ năng, nguyên tắc giao tiếp chưa phù hợp
Giao tiếp phù hợp với đặc trưng văn hóa truyền thống, văn hóa giao tiếp của người Việt Nam	20	Cuộc giao tiếp phù hợp với văn hóa truyền thống, văn hóa giao tiếp	Cuộc giao tiếp khá phù hợp với văn hóa truyền thống, văn hóa giao tiếp	Cuộc giao tiếp tương đối phù hợp với văn hóa truyền thống, văn hóa giao tiếp	Không phù hợp với với văn hóa truyền thống, văn hóa giao tiếp

Rubric 3: Đánh giá KIỂM TRA QUÁ TRÌNH

Tiêu chí	**Điểm số**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	10	Trả lời đúng tất cả nội dung	Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm			

Rubric 4: đánh giá CUỐI KỲ

Tiêu chí	**Điểm số**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*

Nội dung	10	Trả lời đúng tất cả nội dung	Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm			